TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Ngô Thị Ân

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D; Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Cường A; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Thành S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Cường A chung sống với nhau từ năm 2010 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau ngày 16/12/2013. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Ái V, sinh ngày 22/7/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 13/11/2013. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2023, anh Ngô Cường Anh trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị D chung sống với nhau từ năm 2010. Sau đó, hai bên đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2013. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Ái V, sinh ngày 22/7/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 13/11/2013. Ly hôn, anh đồng ý giao cả 02 con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D và anh Ngô Cường A được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Ngô Ái V, sinh ngày 22/7/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 13/11/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh A có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ vắng mặt anh A và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh A theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Bị đơn là anh Ngô Cường A có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị D và anh A vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh A.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Ngô Cường A chung sống với nhau từ năm 2010. Sau đó hai bên đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/12/2013. Việc đăng ký kết hôn của chị D và anh A là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này, cả chị D và anh A đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị D và anh A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị D và anh Ngô Cường A được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Ái V, sinh ngày 22/7/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 13/11/2013. Ly hôn, cả chị D và anh A đều yêu cầu được giao cả 02 con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị D và anh A.

[7]. Về tài sản: Chị D và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị D và anh Ngô Cường A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Ái V, sinh ngày 22/7/2011 và Ngô Gia H, sinh ngày 13/11/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007996 ngày 28/3/2023. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị D và anh Ngô Cường A. Chị D và anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc